

TỔNG THU NHẬP THÁNG 7/2024
Năm học 2023-2024

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh, nhiệm vụ	Lương, PC lương NS	TNTT Quý II/2024 theo NQ08	Phụ trội HK2, NH 2023-2024	Bồi dưỡng GV dạy TD HK2, NH 2023-2024	Tổng thu nhập	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5=1+2+3+4	
	Tổng cộng		698.173.459	1.357.701.562	75.683.399	24.642.000	2.156.200.420	
1	Phạm Thị Nam Hồng	Hiệu trưởng	15.775.589				15.775.589	
2	Đoàn Thị Minh Lý	Phó HT	12.939.217	37.122.652			50.061.869	
3	Nguyễn Thị Tuyết Thu	Văn thư	6.218.460	22.511.520			28.729.980	
4	Nguyễn Thị Sáu	CNTT kiêm TQ	5.944.590	22.586.475			28.531.065	
5	Nguyễn Tiến Thùy Hương	Cấp dưỡng	5.574.060	18.359.061			23.933.121	
6	Đậu Anh Tuấn	Giáo viên	15.895.818	25.319.896			41.215.714	
7	Nguyễn Thị Dâu	Giáo viên	14.516.737	22.519.127			37.035.864	
8	Trương Thị Nguyệt Phương	Giáo viên	14.602.248	22.651.826			37.254.074	
9	Nguyễn Thị Bích Huyền	Giáo viên	14.688.598	35.001.647	12.379.688		62.069.933	
10	Vũ Hoàng Ngọc Lan	Giáo viên	13.433.369	21.214.957			34.648.326	
11	Nguyễn Thị Kim Loan	Giáo viên-TT	15.326.251	25.898.963	5.298.501		46.523.715	
12	Phạm Thị Mỹ Trang	Giáo viên-TT	13.800.375	25.442.734	4.984.751		44.227.860	
13	Đỗ Thị Thúy Nga	Giáo viên-TP	13.668.187	21.848.870	1.645.668		37.162.725	
14	Huỳnh Ngọc Yến	Giáo viên-TT	13.968.563	29.781.235	4.405.954		48.155.752	
15	Lê Thanh Sương	Giáo viên	13.271.625	23.925.757	1.398.181		38.595.563	
16	Nguyễn Thị Hồng Oanh	Giáo viên	12.297.355	19.778.087			32.075.442	
17	Nguyễn Thị Vân Anh	Giáo viên-TP	13.584.899	21.848.870			35.433.769	

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh, nhiệm vụ	Lương, PC lương NS	TNTT Quý II/2024 theo NQ08	Phụ trội HK2, NH 2023-2024	Bồi dưỡng GV dạy TD HK2, NH 2023-2024	Tổng thu nhập	Ghi chú
18	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Giáo viên	13.190.753	21.214.957			34.405.710	
19	Trương Thị Thanh Huyền	Giáo viên	12.604.280	21.045.913			33.650.193	
20	Lê Thị Minh Phượng	Giáo viên	12.146.566	19.778.087			31.924.653	
21	Trần Thị Thu Trâm	Giáo viên-TT	12.508.416	22.204.424	4.894.598		39.607.438	
22	Lê Thị Vân Anh	Giáo viên	12.071.171	20.283.527	1.061.538		33.416.236	
23	Vũ Thị Hương Thảo	Giáo viên	12.146.566	25.699.027			37.845.593	
24	Lê Thị Hằng	Giáo viên	10.984.453	18.341.217			29.325.670	
25	Trương Thị Thùy Linh	Giáo viên-TP	11.508.768	26.749.663	692.836		38.951.267	
26	Bùi Huyền Trân	Giáo viên	10.984.453	18.341.217			29.325.670	
27	Nguyễn Thị Phụng	Giáo viên	9.930.600	16.904.348			26.834.948	
28	Nguyễn Thị Thương	Giáo viên	9.995.040	16.904.348			26.899.388	
29	Bùi Thị Anh Đào	Giáo viên	9.801.720	21.130.435			30.932.155	
30	Nguyễn Hữu Minh Trí	Giáo viên	9.543.960	20.792.348		6.588.000	36.924.308	
31	Vũ Mạnh Tuấn	Giáo viên-TT	10.088.820	26.155.957	2.429.415		38.674.192	
32	Huỳnh Hương Xuân	Giáo viên	9.608.400	25.450.435	3.470.593		38.529.428	
33	Phạm Hữu Thắng	Giáo viên	15.121.807	22.525.466		4.140.000	41.787.273	
34	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giáo viên	13.975.659	22.233.866	10.495.655		46.705.180	
35	Trương Định Phương	Giáo viên	12.293.437	19.651.304	3.145.311		35.090.052	
36	Nguyễn Thị Mai Trinh	Giáo viên	8.184.436	13.951.167			22.135.603	
37	Trần Văn Duyên	Giáo viên-TT	9.334.291	26.122.970			35.457.261	
38	Lý Long Nương	Giáo viên-TP	9.213.380	20.126.739			29.340.119	
39	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên-TP	8.359.308	19.323.078	503.236		28.185.622	
40	Hà Thị Mùa	Giáo viên-TPT	10.341.720	21.670.435	10.031.192		42.043.347	
41	Mai Thị Ngọc Ngoan	Giáo viên	7.061.310	12.678.261		7.182.000	26.921.571	

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh, nhiệm vụ	Lương, PC lương NS	TNTT Quý II/2024 theo NQ08	Phụ trội HK2, NH 2023-2024	Bồi dưỡng GV dạy TD HK2, NH 2023-2024	Tổng thu nhập	Ghi chú
42	Nguyễn Thị Thùy Linh	Giáo viên	5.983.470	11.283.652			17.267.122	
43	Lý Thị Thanh	Giáo viên	12.071.171	21.294.407			33.365.578	
44	Đinh Thị Khánh Loan	Giáo viên	9.145.462	15.467.478			24.612.940	
45	Nguyễn Thị Thùy	Giáo viên	9.608.400	16.904.348			26.512.748	
46	Trần Thị Hoài Nghi	Giáo viên	7.061.310	13.650.261			20.711.571	
47	Lê Thị Lệ	Giáo viên	6.185.387	14.139.959			20.325.346	
48	Lý Hồ Xuân Nguyên	Giáo viên-TT	6.755.320	12.128.870			18.884.190	
49	Trương Thị Thảo Ngân	Giáo viên	6.284.566	14.104.565			20.389.131	
50	Tô Thị Loan	Giáo viên	6.284.566	11.283.652			17.568.218	
51	Vũ Đan Cát Uyên	Giáo viên	6.284.566	13.791.130	2.641.872		22.717.568	
52	Trần Thị Mai	Giáo viên	6.284.566	12.186.344	378.335		18.849.245	
53	Phạm Nguyễn Thanh Tâm	Giáo viên	6.284.566	14.104.565			20.389.131	
54	Nguyễn Song Quỳnh Như	Giáo viên	6.284.566	14.104.565			20.389.131	
55	Dương Thị Yến Linh	Thư viện	4.967.460	15.175.409			20.142.869	
56	Trần Nguyễn Kim Ngân	Giáo viên	5.243.940	13.309.004	552.455		19.105.399	
57	Lý Minh Tú	Giáo viên	5.243.940	14.256.704	78.922		19.579.566	
58	Phạm Thị Tuyết Hoa	Giáo viên	5.243.940	12.993.104			18.237.044	
59	Nguyễn Thị Kim Đào	Giáo viên	5.243.940	12.074.123	1.815.210		19.133.273	
60	Trần Thị Mỹ Linh	Giáo viên	5.064.660	11.938.696			17.003.356	
61	Nguyễn Thị Châu	Giáo viên	5.243.940	9.889.043			15.132.983	
62	Dương Thị Thương	Giáo viên	5.243.940	12.361.304			17.605.244	
63	Trần Phương Mai	Giáo viên	5.243.940	9.669.287			14.913.227	
64	Lê Thị Giàu	Giáo viên - TP	5.580.090	13.153.696	419.906		19.153.692	
65	Trần Thị Hồng Đào	Giáo viên	5.243.940	9.559.409			14.803.349	

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh, nhiệm vụ	Lương, PC lương NS	TNTT Quý II/2024 theo NQ08	Phụ trội HK2, NH 2023-2024	Bồi dưỡng GV dạy TD HK2, NH 2023-2024	Tổng thu nhập	Ghi chú
66	Đỗ Phạm Mai Châu	Giáo viên	5.243.940	12.361.304	473.533		18.078.777	
67	Phan Quốc Việt	Giáo viên	5.064.660	11.938.696			17.003.356	
68	Hoàng Minh Chiến	Giáo viên	5.243.940	14.256.704		6.732.000	26.232.644	
69	Đỗ Thị Huyền Trang	Giáo viên	5.243.940	1.758.052			7.001.992	
70	Phạm Thị Ngọc Cẩm	Giáo viên	5.243.940	12.677.204	473.533		18.394.677	
71	Nguyễn Hoàng Khanh	NV hỗ trợ HS k.tật	3.318.660	13.663.174			16.981.834	
72	Nguyễn Thị Lý	Kế toán	7.558.380	29.678.400			37.236.780	
73	Nguyễn Trúc Anh	Giáo viên	4.457.349	8.405.687	1.542.929		14.405.965	
74	Đỗ Thụy Thúy Vy	Giáo viên	4.457.349	8.405.687	469.587		13.332.623	
75	Hoàng Trọng Phiên	Bảo vệ	4.188.600	7.200.000			11.388.600	
76	Huỳnh Anh Hà	Bảo vệ	3.500.000	4.800.000			8.300.000	
77	Vũ Văn Phước	Bảo vệ	4.188.600	7.200.000			11.388.600	
78	Nguyễn Thị Kim Thoa	NVPV	4.188.600	5.786.561			9.975.161	
79	Châu Hải Cơ	NVPV	4.188.600	5.655.652			9.844.252	
80	Nguyễn Trung Tường	Bảo vệ	3.500.000				3.500.000	
CỘNG			698.173.459	1.357.701.562	75.683.399	24.642.000	2.156.200.420	

21.562.004

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm ngàn, bốn trăm hai mươi đồng

Kế toán



Nguyễn Thị Lý

Ngày 05 tháng 8 năm 2024



Phạm Thị Nam Hồng